

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 20-12-2021.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/201/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp BH, xã PB, thị xã TB, tỉnh TN- vắng mặt có đơn xin.

Bị đơn: anh Trần Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp BH, xã PB, thị xã TB, tỉnh TN - vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc C trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án: Chị và anh D chung sống từ năm 2009, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh (nay là xã Phước Bình), thị xã Trảng Bàng vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống nhà di chồng quận BTh, Thành phố H để đi làm thuê. Đến năm 2017 về sống cùng với mẹ chồng ở ấp BH, xã PB, thị xã TB, tỉnh TN. Đến năm 2019 vợ chồng về sống cùng cha mẹ chị tại ấp Bình Hòa, xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến tháng 12-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ham mê chơi bời không chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Cha mẹ hai bên có hòa giải nhiều lần cho

vợ chồng nhưng không được. Đến ngày 23-5-2021 anh D bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung tên Trần Thị Kim A, sinh ngày 03-12-2010, hiện nay cháu đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn D trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án: Anh thống nhất lời trình bày của chị C về ngày tháng chung sống, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Anh không biết tại sao chị C lại nộp đơn xin ly hôn vì vợ chồng vẫn sống vui vẻ bình thường. Tuy nhiên thường ngày anh cũng có chơi bài và đi nhậu nên chị C không đồng ý. Khoản đầu tháng 6-2021 vợ chửi bới anh, mẹ vợ đuổi anh đi nên anh bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Vợ chồng có nói chuyện với nhau chị C đồng ý hòa giải và hứa rút đơn xin ly hôn nhưng không hiểu lý do tại sao lại không rút đơn.

Nay anh yêu cầu được đoàn tụ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh D.
- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 03-12-2010 cho chị C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Trúc C và anh Trần Văn D vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh D tự chung sống từ năm 2009, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh (nay là xã Phước Bình), thị xã Trảng Bàng vào năm 2011. Vợ chồng chung sống đến tháng 12-2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị C cho rằng anh D ham mê cờ bạc, chị

khuyên can không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh D cho rằng không biết lý do tại sao chị C nộp đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, anh cũng thừa nhận anh có đánh bạc và chị C không đồng ý nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; bên cạnh đó, anh cũng đã xảy ra mâu thuẫn với mẹ chị C, hiện anh đã về nhà mẹ ruột sống. Từ đây cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh D, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 03-12-2010; hiện cháu A đang sống cùng chị C và chị C cũng yêu cầu được nuôi con. Xét cháu A đã trên 07 tuổi, qua làm việc cháu mong muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc C đối với anh Trần Văn D. Chị Nguyễn Thị Trúc C được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 03-12-2010 cho chị C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015125 ngày 05-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. (Chị C đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị C, anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy